

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư
một số dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét đề nghị của UBND thành phố Hà Nội tại Tờ trình số /TTr-UBND
ngày tháng năm 2024 về việc thông qua chủ trương trình phê duyệt điều
chỉnh chủ trương đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương
đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Xét các Báo cáo thẩm tra số: /BC-KTNS ngày tháng năm 2024
của Ban Kinh tế - Ngân sách; số /BC-BĐT ngày tháng năm 2024 của
Ban Đô Thị; Số /BC-VHXXH ngày tháng năm 2024 của Ban Văn hóa –
Xã hội; Báo cáo giải trình số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của
UBND Thành phố và ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND Thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư của 18 dự án (17 dự án nhóm B và
01 dự án nhóm C).

(Chi tiết tại các Phụ lục từ số 2 đến số 19 kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư của 09 dự án (01 dự án
nhóm A và 08 dự án nhóm B).

(Chi tiết tại các Phụ lục từ số 20 đến số 28)

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết:

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao nhiệm vụ Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan thực hiện: Rà soát, chuẩn xác quy mô, nội dung đầu tư, có giải pháp đầu nối thích hợp, khớp nối đồng bộ, lựa chọn phương án, giải pháp kỹ thuật phù hợp, đảm bảo không trùng lặp và tiết kiệm, hiệu quả và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; xác định nguồn gốc đất đai, xây dựng phương án, kinh phí giải phóng mặt bằng đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành; trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; trong công tác lập, trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án cần lưu ý thực hiện (hoặc giải trình việc không thực hiện) ý kiến của các sở, ngành đã đóng góp tại bước lập, trình, thẩm định, thẩm tra, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

b) Chỉ đạo các sở, ngành liên quan căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao: Thường xuyên rà soát tiến độ đầu tư của các dự án. Tăng cường kiểm tra nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình đầu tư xây dựng công trình; hướng dẫn, phối hợp cùng Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; giải quyết các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi giúp Chủ đầu tư hoàn thành dự án đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng công trình.

c) Trong công tác xây dựng, cập nhật kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hàng năm cần cân đối nguồn vốn ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp huyện (đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện) theo tiến độ đảm bảo hoàn thành các dự án theo thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân và các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày tháng 9 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực Thành ủy; Thường trực HĐND TP;
- UBND, UB MTTQ Thành phố;
- Các Ban Đảng; các Ban HĐND Thành phố ;
- Các vị Đại biểu HĐND TP;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố; Trung tâm báo chí Thủ đô;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

Phụ lục 1

DANH MỤC DỰ ÁN HĐND THÀNH PHỐ PHÊ DUYỆT VÀ ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ TẠI KỲ HỌP THỨ 18 CỦA
HĐND THÀNH PHỐ KHÓA XVI, NHIỆM KỲ 2021-2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
*	Tổng cộng (A+B+C)	1	25	1	13.832.319	12.259.824	1.572.495			
A	Phê duyệt chủ trương đầu tư		17	1	10.009.198	8.697.255	1.311.943			
A.1	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong kỳ kế hoạch (sử dụng NS cấp huyện)			1	19.373		19.373			
A.2	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong 2 kỳ kế hoạch		4		2.845.854	1.553.284	1.292.570			
A.2.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố		1		385.265	385.265				
A.2.2	Các Dự án sử dụng 2 nguồn ngân sách (NSTP và NS cấp huyện)		2		1.344.589	1.168.019	176.570			
A.2.3	Các Dự án sử dụng ngân sách cấp huyện		1		1.116.000		1.116.000			
A.3	Các dự án sử dụng NSTP phê chủ trương đầu tư để thực hiện cho giai đoạn 2026-2030		13		7.143.971	7.143.971				
B	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư	1	8		3.823.121	3.562.569	260.552			
B.1	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách Thành phố	1	7		3.562.569	3.562.569				
B.2	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách cấp huyện		1		260.552		260.552			
A	Phê duyệt chủ trương đầu tư		17	1	10.009.198	8.697.255	1.311.943			
A.1	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong kỳ kế hoạch (sử dụng NS cấp huyện)			1	19.373		19.373			
I	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật			1	19.373		19.373			

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện			
1	Dự án đầu tư cải tạo vỉa hè tuyến đường Yên Phụ			1	19.373		19.373	2024-2025	UBND quận Ba Đình	Phụ lục số 2
A.2	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong 2 kỳ kế hoạch		4		2.845.854	1.553.284	1.292.570			
A.2.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố		1		385.265	385.265				
I	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình		1		385.265	385.265				
1	Cải tạo, nâng cấp Phòng khám A thành Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khoẻ cán bộ thành phố Hà Nội thuộc Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn		1		385.265	385.265		2025-2027	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	Phụ lục số 3
A.2.2	Các Dự án sử dụng 2 nguồn ngân sách (NSTP và NS cấp huyện)		2		1.344.589	1.168.019	176.570			
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		2		1.344.589	1.168.019	176.570			
1	Xây dựng Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao huyện Sóc Sơn		1		677.051	612.481	64.570	2025-2028	UBND huyện Sóc Sơn	Phụ lục số 4
2	Xây dựng Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao huyện Đan Phượng		1		667.538	555.538	112.000	2024-2028	UBND huyện Đan Phượng	Phụ lục số 5
A.2.3	Các Dự án sử dụng ngân sách cấp huyện		1		1.116.000		1.116.000			
I	Lĩnh vực giao thông		1		1.116.000		1.116.000			
1	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 427 đoạn từ dốc Vân La –Cầu Dừa đến đường Dương Trục Nguyên kéo dài, kết hợp cải tạo tuyến kênh tiêu 71, huyện Thường Tín		1		1.116.000		1.116.000	2024-2027	UBND huyện Thường Tín	Phụ lục số 6
A.3	Các dự án sử dụng NSTP phê chủ trương đầu tư để thực hiện cho giai đoạn 2026-2030		13		7.143.971	7.143.971				
A.3.1	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách Thành phố		13		7.143.971	7.143.971				

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện			
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		1		148.690	148.690				
1	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Khương Hạ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.		1		148.690	148.690		2026-2028	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	Phụ lục số 7
II	Lĩnh vực giao thông		10		6.648.576	6.648.576				
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long đoạn từ đường trục kinh tế Bắc Nam đến điểm nối tiếp với tuyến đường Tây Thăng Long hiện có trên địa bàn Thị xã Sơn Tây, thuộc địa phận huyện Phúc Thọ và Thị xã Sơn Tây		1		1.419.935	1.419.935		2026-2030	UBND huyện Phúc Thọ	Phụ lục số 8
2	Mở rộng quốc lộ 32 đoạn qua địa phận huyện Hoài Đức từ Km17+100 đến Km19+800		1		998.386	998.386		2026-2028	UBND huyện Hoài Đức	Phụ lục số 9
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long qua địa phận huyện Đan Phượng (Đoạn từ kênh Đan Hoài đến tỉnh lộ 417)		1		802.025	802.025		2026-2028	UBND huyện Đan Phượng	Phụ lục số 10
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 419 đoạn Km51+55 đến Km53+552 (đoạn đi trùng tuyến đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn - Hương Sơn), huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội		1		330.036	330.036		2026-2030	UBND huyện Mỹ Đức	Phụ lục số 11
5	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích Chùa Hương, huyện Ứng Hòa		1		175.146	175.146		2026-2030	UBND huyện Ứng Hòa	Phụ lục số 12
6	Xây dựng đường nối từ đường tránh Quốc lộ 32 đi tỉnh lộ 413		1		449.970	449.970		2026-2029	UBND thị xã Sơn Tây	Phụ lục số 13
7	Tuyến đường nối từ Quốc lộ 21A đến đường vành đai Bắc Phú Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội		1		319.900	319.900		2026-2030	UBND huyện Quốc Oai	Phụ lục số 14
8	Xây dựng đoạn 2 đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn (đoạn từ nút giao tỉnh lộ 131 đến đường nối Quốc lộ 3 với đền Sóc)		1		498.336	498.336		2026-2029	UBND huyện Sóc Sơn	Phụ lục số 15
9	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 đến đường Vành đai phía đông khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn		1		921.857	921.857		2026-2029	UBND huyện Sóc Sơn	Phụ lục số 16
10	Đường trục phát triển kinh tế Phú Minh - Nam Tiến - Nam Triều		1		732.985	732.985		2026-2030	UBND huyện Phú Xuyên	Phụ lục số 17

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện			
III	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1		128.138	128.138				
1	Xây dựng Trụ sở Thanh tra Thành phố Hà Nội		1		128.138	128.138		2026 - 2028	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	Phụ lục số 18
IV	Lĩnh vực HTKT tái định cư		1		218.567	218.567				
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (Cầu đường sắt Đuống) và các dự án đầu tư khu vực Bắc sông Đuống trên địa bàn huyện Gia Lâm		1		218.567	218.567		2026-2028	UBND huyện Gia Lâm	Phụ lục số 19
B	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư	1	8		3.823.121	3.562.569	260.552			
B.1	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách Thành phố	1	7		3.562.569	3.562.569				
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			980.000	980.000				
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Xây dựng Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội	1			980.000	980.000		2022-2026	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	Phụ lục số 20
II	Lĩnh vực giao thông		4		1.972.378	1.972.378				
1	Dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ngũ Hiệp đi Đông Mỹ, huyện Thanh Trì		1		445.064	445.064		2020-2027	UBND huyện Thanh Trì	Phụ lục số 21
2	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 từ Km0+00 đến Km5+900, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội		1		556.019	556.019		2021-2025	UBND thị xã Sơn Tây	Phụ lục số 22
3	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vĩ Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội		1		460.129	460.129		2021-2025	UBND thị xã Sơn Tây	Phụ lục số 23
4	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 1 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì		1		511.166	511.166		2021-2027	UBND huyện Ba Vì	Phụ lục số 24

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện			
III	Lĩnh vực thủy lợi		3		610.191	610.191				
1	Cải tạo, nâng cấp cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội		1		297.720	297.720		hoàn thành năm 2025	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp	Phụ lục số 25
2	Cải tạo, hồ chứa nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ.		1		155.363	155.363		2026-2028	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp	Phụ lục số 26
3	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai, huyện Ba Vì		1		157.108	157.108		2026-2028	Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp	Phụ lục số 27
B.2	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách cấp huyện		1		260.552		260.552			
I	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1		260.552		260.552			
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Đan Phượng		1		260.552		260.552	2020-2027	UBND huyện Đan Phượng	Phụ lục số 28